

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ số **27/2003/QĐ-BKHCN** ngày **17/9/2003** về việc hủy bỏ Tiêu chuẩn Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy bỏ 01 Tiêu chuẩn Việt Nam sau đây:

1. TCVN 6211: 1996 Phương tiện giao thông đường bộ - Kiểu - Thuật ngữ và định nghĩa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo./.

KT. Bộ trưởng
Bộ Khoa học và Công nghệ
Thứ trưởng

BÙI MẠNH HẢI

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số **87/2003/TT-BTC** ngày **15/9/2003** hướng dẫn một số chính sách ưu đãi tài chính đối với các doanh nghiệp cơ khí sản xuất xe ô tô chở khách từ **25 chỗ** ngồi trở lên.

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản hướng dẫn về thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 175/2002/QĐ-TTg ngày 03/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020;

Căn cứ Quyết định 186/2002/QĐ-TTg ngày 26/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn năm 2020;

Bộ Tài chính hướng dẫn một số chính sách ưu đãi tài chính đối với các doanh nghiệp cơ khí sản xuất ô tô buýt chở khách từ 25 chỗ ngồi trở lên (sau đây gọi là xe ô tô chở khách) như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng được hưởng các chính sách hỗ trợ về tài chính và ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư này là các doanh nghiệp (bao gồm các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trực tiếp thực hiện việc sản xuất ô tô chở khách. Riêng Công ty Cơ khí ô tô 1-5 thuộc Tổng công ty Cơ khí Giao thông Vận tải được áp dụng các chính sách hỗ trợ về tài chính theo quy định tại Quyết định số 1223/QĐ-TTg ngày 11/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung sản phẩm ô tô chở khách từ 25 chỗ ngồi trở lên vào danh mục các sản phẩm cơ khí ưu đãi được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển.

Các doanh nghiệp cơ khí sản xuất xe ô tô chở khách phải đăng ký với Bộ Công nghiệp về tỷ lệ nội địa hóa xe ô tô chở khách đạt được đến 20% vào năm 2005 và từ 35-40% vào năm 2010 theo quy định tại Quyết định số 175/2002/QĐ-TTg ngày 03/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020.

II. NỘI DUNG CỤ THỂ

A. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ VỐN CHO DOANH NGHIỆP

1. Khi tiến hành đầu tư các dự án xây dựng cơ sở sản xuất mới hoặc nâng cao năng lực sản xuất xe ô tô chở khách được

cấp có thẩm quyền phê duyệt, doanh nghiệp được vay vốn đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển, thời hạn vay không quá 12 năm trong đó có 2 năm đầu không phải trả lãi và bắt đầu trả nợ vào năm thứ năm, lãi suất vay là 3%/năm tính riêng cho từng khoản vay. Doanh nghiệp vay vốn không phải thế chấp tài sản, nhưng không được chuyển nhượng tài sản trước khi trả xong nợ (cả gốc và lãi) đối với từng khoản vay.

2. Trong trường hợp Quỹ hỗ trợ phát triển chưa đáp ứng được các khoản vay này, các doanh nghiệp được phép vay các Ngân hàng thương mại để triển khai dự án. Bộ Tài chính xem xét, làm thủ tục cấp bù chênh lệch giữa lãi suất tiền vay của các Ngân hàng thương mại và lãi suất tiền vay của Quỹ hỗ trợ phát triển.

Hồ sơ, thủ tục cấp bù chênh lệch giữa lãi suất tiền vay của các Ngân hàng thương mại và lãi suất tiền vay của Quỹ hỗ trợ phát triển bao gồm:

- Văn bản của doanh nghiệp gửi Bộ Tài chính đề nghị cấp bù chênh lệch giữa lãi suất tiền vay của các Ngân hàng thương mại và lãi suất tiền vay của Quỹ hỗ trợ phát triển. Trong đó ghi rõ tổng số tiền vay, lãi suất đề nghị cấp bù và số tài khoản giao dịch tại các Ngân hàng thương mại.

- Hồ sơ dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xác nhận của Ngân hàng thương mại đã cho vay.

B. CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

Ngoài các ưu đãi quy định tại Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, Luật Đầu tư nước ngoài và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật của Chính phủ, Bộ Tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng các chính sách ưu đãi quy định dưới đây, trường hợp các ưu đãi quy định tại Thông tư này trùng với quy định tại các văn bản pháp luật trên thì doanh nghiệp được hưởng mức ưu đãi cao nhất.

1. Thuế nhập khẩu

- Miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng nằm trong dây chuyền công nghệ để tạo tài sản cố định mà trong nước chưa sản xuất được theo quy định của Bộ Công nghiệp (hoặc có xác nhận của Bộ Công nghiệp).

- Hàng năm hoặc định kỳ (quý, 6 tháng), các doanh nghiệp phải có phương án sản xuất, lập danh mục và kế hoạch nhập khẩu máy móc, thiết bị phương tiện vận tải (nằm trong dây chuyền công nghệ) để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp mà trong nước chưa sản xuất được gửi cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu để đăng ký việc thực hiện **miễn thuế nhập khẩu**.

- Cơ quan Hải quan chủ trì phối hợp với Cục Thuế địa phương nơi quản lý trực tiếp doanh nghiệp kiểm tra và quyết toán tình hình sử dụng số máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (nằm trong dây chuyền công nghệ), trường hợp nếu phát hiện sử dụng hàng nhập khẩu sai mục

đích phải xử lý truy thu thuế nhập khẩu đã được miễn và xử phạt theo quy định của pháp luật.

2. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Các doanh nghiệp sản xuất xe ô tô chở khách được miễn thuế 2 năm đầu kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong thời gian 2 năm kế tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm là xe ô tô chở khách, còn các hoạt động sản xuất các sản phẩm khác vẫn thực hiện theo cơ chế hiện hành.

b) Các doanh nghiệp có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích nguồn thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn hoặc giảm nộp để đầu tư các dự án nhằm phát triển, nâng cao năng lực sản xuất xe ô tô chở khách.

3. Đối với tiền thuê đất

Được giảm 50% tiền thuê đất cho các dự án sản xuất ô tô chở khách đầu tư xây dựng mới đến hết năm 2005.

C. CHÍNH SÁCH VỀ HỖ TRỢ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

1. Đối với doanh nghiệp nhà nước sản xuất ô tô chở khách được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn cho các hoạt động như thuê chuyên gia, mua thiết kế, mua công nghệ, chuyển giao công nghệ vượt quá khả năng của doanh nghiệp thuộc các dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các doanh nghiệp sản xuất xe ô tô

khách được trích tối đa đến 2% trên doanh số sản phẩm xe chở khách bán ra để lập quỹ nghiên cứu và phát triển. Doanh nghiệp xây dựng quy chế sử dụng nguồn quỹ này đảm bảo đúng mục đích và có hiệu quả.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời bổ sung cho phù hợp./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM

BỘ VĂN HÓA - THÔNG TIN

THÔNG TƯ số 56/2003/TT-BVHTT
ngày 16/9/2003 hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện.

Căn cứ Điều 58 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2003;

Căn cứ Điều 9 và Điều 10 Pháp lệnh Thư viện ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và thủ tục đăng ký hoạt động thư viện như sau:

I. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Thông tư này quy định chi tiết về điều kiện thành lập thư viện và hướng dẫn thủ tục đăng ký hoạt động thư viện.

2. Việc đăng ký hoạt động thư viện áp dụng đối với các loại hình thư viện được quy định tại Điều 16 Pháp lệnh Thư viện hiện đang hoạt động hoặc sẽ được thành lập có đủ điều kiện quy định tại Phần II Thông tư này, bao gồm: Thư viện Quốc gia Việt Nam; thư viện do Ủy ban nhân dân các cấp thành lập; thư viện của viện, trung tâm nghiên cứu khoa học, nhà trường và cơ sở giáo dục khác; thư viện của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân; thư viện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp.

II. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THƯ VIỆN

Thư viện được thành lập khi có đủ 4 điều kiện sau:

1. Vốn tài liệu thư viện:

Số lượng vốn tài liệu tối thiểu ban đầu của mỗi loại hình thư viện khi thành lập được quy định theo bảng dưới đây: